

Bản án số: **32/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 12/8/2024

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu;*
- *Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Minh Hoa; ông Nguyễn Văn Đông;*
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thanh Bình; Thư ký Tòa án;*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa; Kiểm sát viên;*

Trong ngày 12/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2024, về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tuấn L; Sinh năm 1969; Địa chỉ: Căn hộ 270X Chung cư G, số 2 Phạm Văn B, phường Y, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Có mặt;

Bị đơn: Ông Lê Hồng H; Sinh năm 1955; Địa chỉ: Căn hộ 270X Chung cư G, số 2 Phạm Văn B, phường Y, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Bà Phan Thị Tuấn L trình bày: Bà và ông Lê Hồng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 20/02/2003. Quá trình sinh sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Những năm gần đây, hai vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung về mọi vấn đề, bà không được tham gia quyết định bất kỳ vấn đề gì trong gia đình dù to, dù nhỏ. Thỉnh thoảng vợ chồng cãi vã to tiếng nhưng không đến mức căng thẳng, hàng xóm láng giềng cũng không ai biết về mâu thuẫn của ông bà. Ông H không đánh đập, chửi bới, xúc phạm hay trai gái, rượu chè, cờ bạc gì. Tuy nhiên, đối với bà có những thứ rất khó vượt qua và muốn dừng lại cuộc hôn nhân này. Tòa yêu cầu bà cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H nhưng bà không có vì ông bà không đánh mắng, cãi chửi hay trai gái, rượu chè mà vẫn chung sống cùng nhau dưới một mái nhà, hàng ngày vẫn thảo luận công việc của gia đình, cùng nuôi

dạy con và lo cho cuộc sống gia đình nhưng bản thân bà cảm thấy không muốn chung sống cùng ông H nữa. Sau một số buổi hòa giải tại Tòa cuộc sống của ông bà vẫn bình thường như trước, vợ chồng vẫn ở chung nhà, vẫn nói chuyện trao đổi các vấn đề trong cuộc sống. Bà xác định những mâu thuẫn giữa bà và ông H đối với mọi người chỉ là nhỏ nhặt nhưng đối với bà thì đó là lớn, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống và bà không thể chấp nhận được, bà muốn dừng lại cuộc hôn nhân giữa bà và ông H. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Hồng H để ổn định lại cuộc sống.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Phan Hà T, sinh ngày 27/4/2004 và cháu Lê Phan Minh A, sinh ngày 22/6/2007. Cháu T đã trưởng thành, việc sống với ai do cháu quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phan Minh A, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về thu nhập: Hiện bà là cán bộ của Công ty Cổ phần Đ, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ăn chỗ ở: Sau ly hôn, bà sẽ đảm bảo chỗ ăn ở cho con, bà sẽ ra thuê hoặc mua nhà để mẹ con chuyển ra ở riêng.

- **Về tài sản chung, công nợ:** Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hồng H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như bà L trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông xác định chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt mà gia đình nào cũng có. Vợ chồng chỉ có vài mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con chứ không mâu thuẫn về tài chính hay các vấn đề khác, cũng chưa có việc bạo lực, cãi vã gây ồn ào làm ảnh hưởng đến khu dân cư. Về lối sống, tuy có những điểm khác biệt, nhưng theo ông vẫn có thể chấp nhận được và vợ chồng vẫn có thể sinh sống cùng nhau. Ông không ngoại tình, không bạo hành, xúc phạm vợ nên ông xác định mâu thuẫn vợ chồng không căng thẳng. Cho đến nay, ông bà vẫn ở chung nhà, hàng ngày vẫn có sự trao đổi, bàn bạc mọi vấn đề trong cuộc sống, vẫn chia sẻ với nhau về các công việc khác trong gia đình. Ông không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với vợ, các con còn nhỏ, vẫn còn sống phụ thuộc vào bố mẹ. Mặc dù cháu lớn đã trưởng thành nhưng chưa tự lo cho cuộc sống của mình được, vẫn cần sự hỗ trợ từ bố mẹ. Ông đề nghị Tòa hòa giải để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau, cùng nuôi dạy các con.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung như bà L trình bày. Cháu lớn đã trưởng thành đủ 18 tuổi, việc sống với ai do cháu quyết định, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phan Minh A, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập: Hiện ông có công ty riêng là Công ty TNHH H về tin học, thu nhập khoảng 40.000.000 đến 50.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, ông còn có lương hưu. Về chỗ ăn, chỗ ở: Trường hợp ly hôn, ông và con vẫn ở tại căn hộ số 270X Chung cư G, số 2 Phạm Văn B, phường Y, quận Cầu Giấy, Hà Nội vì đây là tài sản riêng của ông.

- **Về tài sản chung, công nợ:** Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Hồng H. Về con chung: Bà tôn trọng phán quyết của Tòa án, Tòa giao con cho ai nuôi bà sẽ chấp hành theo và không có ý kiến gì. Tài sản chung, công nợ ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hồng H không đồng ý ly hôn do vợ chồng còn tình cảm, trong cuộc sống vợ chồng chỉ có vài mâu thuẫn nhỏ nhặt, không đáng để ly hôn. Cho đến nay ông bà vẫn chung sống hòa bình dưới một mái nhà, hàng ngày vẫn trao đổi mọi công việc của gia đình và cùng nuôi dạy các con. Ông đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát quận Cầu Giấy phát biểu: Thẩm phán đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quy định của pháp luật trong cả quá trình từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuấn L. Vấn đề về con chung và tài sản chung, công nợ của hai bên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Tuấn L khởi kiện về việc “Xin ly hôn” ông Lê Hồng H. Hiện ông Hà đang cư trú tại căn hộ số 270X Chung cư G, số 2 Phạm Văn B, phường Y, quận Cầu Giấy, Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Hồng H và bà Phan Thị Tuấn L kết hôn ngày 20/02/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. Hôn nhân của ông bà tuân thủ đầy đủ các điều kiện về kết hôn theo quy định nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét đơn ly hôn của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ, lời khai do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và trình bày, các tài liệu Tòa án xác minh tại nơi cư trú của ông H, bà L, Hội đồng xét xử nhận định: Bà L, ông H kết hôn và chung sống cùng nhau từ năm 2003, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến mấy năm gần đây có phát sinh

một vài mâu thuẫn nhỏ trong việc nuôi dạy con. Giữa ông H, bà L không có sự cãi vã, to tiếng, xúc phạm nhau, không mâu thuẫn về tài chính hay các vấn đề khác. Ông H không rượu chè, cờ bạc, trai gái làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân. Hiện ông bà vẫn chung sống dưới một mái nhà, hàng ngày vẫn có sự trao đổi, bàn bạc mọi vấn đề trong cuộc sống, vẫn chia sẻ với nhau về các công việc khác trong gia đình và cùng nuôi dạy con chung. Điều này thể hiện ở lời khai của cả bà L và ông H trong các buổi hòa giải tại Tòa và cũng được chính quyền địa phương xác nhận. HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông H là những mâu thuẫn nhỏ nên xem xét cho ông bà có một khoảng thời gian tự khắc phục những hạn chế của vợ chồng, nhằm hàn gắn lại gia đình. Quá trình giải quyết, Tòa án đã yêu cầu bà L cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, giữa vợ chồng cũng không có người thứ ba chen vào đời sống tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn của ông bà chưa đến mức độ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Lý do xin ly hôn của bà L là không chính đáng, không phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Tuấn L đối với ông Lê Hồng H không được chấp nhận. Do đó, vấn đề về con chung và tài sản chung của hai bên không đặt ra. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Tuấn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông Lê Hồng H và bà Phan Thị Tuấn L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phan Thị Tuấn L đối với ông Lê Hồng H.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông H: Không đặt ra.

Về án phí: Buộc bà Phan Thị Tuấn L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000651 ngày 13/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Bà L được khấu trừ vào tiền án phí mà bà phải nộp.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Q. Cầu Giấy;
- Chi cục THADS Q. Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thụ